# sở GDĐT Cần Thơ (Đề 2)

**⇒ Mã đề: 168**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41B** | **42C** | **43D** | **44B** | **45D** | **46B** | **47A** | **48B** | **49A** | **50D** |
| **51D** | **52D** | **53A** | **54C** | **55D** | **56A** | **57A** | **58C** | **59A** | **60D** |
| **61B** | **62A** | **63B** | **64C** | **65B** | **66C** | **67B** | **68C** | **69C** | **70D** |
| **71C** | **72C** | **73B** | **74D** | **75C** | **76D** | **77B** | **78B** | **79A** | **80D** |

**Câu 41:** Dung dịch chất nào sau đây tác dụng với Na2CO3 sinh ra khí CO2?

A. NaCl.       B. HCl.       C. CaCl2.         D. Ba(NO3)2.

**Câu 42:** Chất nào sau đây có phản ứng lên men rượu?

A. Xenlulozơ.       B. Saccarozơ.       C. Glucozơ.       D. Tinh bột.

**Câu 43:** Ở nhiệt độ thường, kim loại nào sau đây phản ứng được với lưu huỳnh?

A. Au.       B. Zn.       C. Fe.       D. Hg.

**Câu 44:** Công thức cấu tạo của metyl axetat là

A. HCOOC2H5.       B. CH3COOCH3.       C. HCOOCH3.       D. CH3COOC2H5.

**Câu 45:** Số liên kết peptit có trong phân tử tetrapeptit mạch hở là

A. 1.       B. 4.       C. 2.       D. 3.

**Câu 46:** Chất nào sau đây tác dụng với nước brom tạo kết tủa màu trắng?

A. Axit glutamic.       B. Anilin.       C. Etylamin.       D. Glyxin.

**Câu 47:** Khí nào sau đây là nguyên nhân chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính?

A. CO2.       B. SO2.       C. H2S.       D. N2.

**Câu 48:** Dung dịch nào sau đây có thể hòa tan được Al(OH)3?

A. NH3.       B. NaOH.       C. KNO3.       D. CaCl2.

**Câu 49:** Chất rắn thu được khi nung Ca(HCO3)2 đến khối lượng không đổi là

A. CaO.       B. Ca.       C. Ca(OH)2.       D. CaCO3.

**Câu 50:** Chất tạo màu xanh tím với dung dịch iot là

A. saccarozơ.       B. glucozơ.       C. fructozơ.       D. tinh bột.

**Câu 51:** Số nguyên tử hiđro có trong phân tử axit oleic là

A. 18.       B. 36.       C. 32.       D. 34.

**Câu 52:** Kim loại nào sau đây là kim loại kiềm?

A. Al.       B. Mg.       C. Ba.       D. K.

**Câu 53:** Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím hóa đỏ?

A. CH3COOH.       B. C6H5OH.       C. C2H5OH.       D. CH3CHO.

**Câu 54:** Tơ nào sau đây thuộc loại tơ thiên nhiên?

A. Tơ visco.       B. Tơ nilon–6.       C. Tơ tằm.       D. Tơ nitron.

**Câu 55:** Kim loại nào sau đây điều chế được bằng phương pháp thủy luyện?

A. Ca.       B. Mg.       C. K.       D. Cu.

**Câu 56:** Nguyên tố sắt có số oxi hóa +3 trong hợp chất nào sau đây?

A. Fe(NO3)3.       B. FeO.       C. Fe(OH)2.       D. FeSO4.

**Câu 57:** Kim loại nào sau đây có tính khử yếu nhất?

A. Ag.       B. Fe.       C. Cu.       D. Mg.

**Câu 58:** Muối nào sau đây là muối axit?

A. CuSO4.       B. NaNO3.       C. NaHSO4.       D. NH4Cl.

**Câu 59:** Ở nhiệt độ thường, kim loại Fe phản ứng được với dung dịch chất nào sau đây?

A. CuSO4.       B. AlCl3.       C. Zn(NO3)2.       D. NaOH.

**Câu 60:** Este X có công thức phân tử C4H8O2. Thủy phân X trong dung dịch NaOH dư, thu được ancol metylic. X có tên gọi là

A. etyl propionat.       B. metyl acrylat.       C. metyl axetat.       D. metyl propionat.

**Câu 61:** Chất nào sau đây có thể gây nên tính cứng tạm thời của nước

A. MgSO4.       B. Mg(HCO3)2.       C. KHCO3.       D. CaCl2.

**Câu 62:** Đốt cháy hoàn toàn m gam xenlulozơ, thu được CO2 và 2,7 gam H2O. Giá trị của m là

A. 4,86.       B. 5,40.       C. 2,43.       D. 4,05.

**Câu 63:** Cho các chất: H2SO4, NaOH, KNO3, Ba(OH)2. Số chất phản ứng được với dung dịch NaHCO3 là

A. 2.       B. 3.       C. 4.       D. 1.

**Câu 64:** Sau khi kết thúc các phản ứng, thí nghiệm nào sau đây thu được muối sắt(II)?

A. Cho Fe vào lượng dư dung dịch HNO3 loãng.

B. Đốt kim loại Fe trong bình chứa khí Cl2.

C. Cho Fe(OH)2 vào dung dịch H2SO4 loãng.

D. Cho Fe3O4 vào lượng dư dung dịch H2SO4 đặc.

**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây sai?

A. Amilozơ có cấu trúc mạch không phân nhánh.

B. Hiđro hóa hoàn toàn triolein, thu được tripanmitin.

C. Trong dung dịch giấm ăn có chứa axit axetic.

D. Dung dịch anbumin có phản ứng màu biure.

**Câu 66:** Phát biểu nào sau đây sai?

A. Thành phần chính của phân supephotphat kép là Ca(H2PO4)2.

B. Nhôm bền trong không khí do có màng oxit bảo vệ.

C. Canxi cacbonat là thành phần chính của thạch cao khan.

D. Để thép trong không khí ẩm có xảy ra ăn mòn điện hóa học.

**Câu 67:** Cho m gam glyxin phản ứng vừa đủ với dung dịch KOH, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thì thu được dung dịch chứa 16,95 gam muối. Giá trị của m là

A. 8,40.       B. 11,25.       C. 22,50.       D. 13,35.

**Câu 68:** Khử hoàn toàn m gam Fe2O3 bằng lượng dư khí CO, thu được 1,68 gam Fe. Giá trị của m là

A. 9,6.       B. 7,2.       C. 2,4.       D. 4,8.

**Câu 69:** Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm Na2O và Al vào nước, thu được 0,672 lít khí H2 và dung dịch chỉ chứa một chất tan. Giá trị của m là

A. 1,78.       B. 0,77.       C. 1,16.       D. 0,54.

**Câu 70:** Cho các polime: polietilen, poli(etylen terephtalat), poli(vinyl clorua), poli acrilonitrin. Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp là

A. 1.       B. 2.       C. 4.       D. 3.

**Câu 71:** Hỗn hợp X gồm C2H2, C3H6, C4H10, H2. Đốt cháy hoàn toàn 0,5 mol X cần vừa đủ 1,65 mol O2, thu được 1,1 mol CO2. Mặt khác, 9,24 gam X phản ứng tối đa với a mol Br2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,15.       B. 0,20.       C. 0,30.       D. 0,35.

**Câu 72:** Cho sơ đồ chuyển hóa sau:



Biết: X, Y, Z, E, F là các hợp chất khác nhau, mỗi mũi tên ứng với một phương trình hóa học khác nhau của phản ứng xảy ra giữa hai chất tương ứng. Các chất E, F thỏa mãn sơ đồ trên lần lượt là:

A. Na2CO3, NaOH.       B. Na2SO4, NaOH.       C. NaOH, NaHSO4.       D. Ca(OH)2, NaHCO3.

**Câu 73:** Hỗn hợp X gồm axit panmitic, axit stearic và triglixerit Y. Đốt cháy hoàn toàn a mol X cần vừa đủ 2,06 mol O2, thu được 1,44 mol CO2. Mặt khác, cho a mol X phản ứng vừa đủ với 100 ml dung dịch KOH 0,8M thì thu được glixerol và dung dịch chứa m gam hỗn hợp hai muối. Giá trị của m là

A. 22,64.       B. 24,92.       C. 25,28.       D. 26,28.

**Câu 74:** Nung 10,96 gam hỗn hợp X gồm Fe(NO3)2 và Cu(NO3)2 (trong bình kín, không có không khí) đến khối lượng không đổi, thu được chất rắn Y và hỗn hợp khí Z (có tỉ khối hơi so với H2 bằng 22). Phần trăm khối lượng của Cu(NO3)2 có trong X là

A. 66,67%.       B. 65,69%.       C. 33,33%.       D. 34,31%.

**Câu 75:** Cho hỗn hợp X gồm Mg và Fe (có tỉ lệ mol tương ứng 2 : 1) tác dụng với dung dịch Y gồm FeCl3 0,3M và CuCl2 0,2M thì thu được dung dịch Z chứa hai muối và 3,68 gam chất rắn T. Cho T vào lượng dư dung dịch H2SO4 loãng, thu được 0,448 lít khí H2. Cho Z vào lượng dư dung dịch AgNO3, thu được m gam kết tủa. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

A. 7,56.       B. 37,31.       C. 44,87.       D. 48,11.

**Câu 76:** Cho sơ đồ phản ứng xảy ra theo đúng tỉ lệ mol:
E + 2NaOH → X + Y + Z
X + HCl → F + NaCl
Y + HCl → T + NaCl
Biết: E, Z, F, T đều là các hợp chất hữu cơ no, mạch hở (MZ < MF < MT). Trong phân tử E chỉ chứa nhóm chức este và có số nguyên tử cacbon bằng số nguyên tử oxi. Cho các phát biểu sau:
(a) Chất F không có phản ứng tráng bạc.
(b) Chất Z có thể điều chế được CH3COOH.
(c) Chất E có hai công thức cấu tạo thỏa mãn sơ đồ trên.
(d) Nhiệt độ sôi của chất Z cao hơn nhiệt độ sôi của C2H5OH.
(e) Cho 1 mol chất T phản ứng với lượng dư kim loại Na, thu được 1 mol H2.
Số phát biểu đúng là

A. 3.       B. 4.       C. 1.       D. 2.

**Câu 77:** Dung dịch X gồm CuSO4 và NaCl (tỉ lệ mol tương ứng 1 : 3). Điện phân X (điện cực trơ, màng ngăn xốp, hiệu suất điện phân 100%) với cường độ dòng điện không đổi 1,34A. Sau thời gian t giờ, thu được dung dịch Y (chứa hai chất tan) và hỗn hợp khí Z (có tỉ khối hơi so với H2 bằng 14,35). Dung dịch Y phản ứng tối đa với 2,55 gam Al2O3. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của t là.

A. 4.       B. 7.       C. 6.       D. 5.

**Câu 78:** Thực hiện phản ứng nhiệt nhôm hỗn hợp gồm Al và các oxit sắt (trong điều kiện không có không khí), thu được m gam hỗn hợp chất rắn X. Nghiền nhỏ, trộn đều và chia thành hai phần:
– Phần 1: Cho phản ứng tối đa với dung dịch chứa 0,32 mol NaOH, thu được 0,18 mol H2.
– Phần 2: Hòa tan hoàn toàn bằng dung dịch chứa 1,91 mol H2SO4 đặc, đun nóng thì thu được dung dịch Y (chỉ chứa các muối trung hòa) và 0,73 mol SO2 (sản phẩm khử duy nhất). Dung dịch Y phản ứng vừa đủ với 0,014 mol KMnO4 trong lượng dư dung dịch H2SO4 loãng.
Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của Al có trong X là

A. 12,58%.       B. 33,54%.       C. 18,63%.       D. 47,82%.

**Câu 79:** Hỗn hợp X gồm ba este mạch hở (trong đó có hai este đơn chức và một este hai chức). Cho 9,68 gam X tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp Y gồm hai muối (tỉ lệ mol 7 : 5) và hỗn hợp Z gồm hai ancol no (có cùng số nguyên tử cacbon). Cho Z vào bình đựng lượng dư kim loại Na thì khối lượng bình tăng 4,8 gam. Đốt cháy hoàn toàn Y thu được CO2, 0,16 mol H2O và 0,06 mol Na2CO3. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn. Phần trăm khối lượng este có khối lượng phân tử lớn nhất có trong X là

A. 30,17%.       B. 38,22%.       C. 15,29%.       D. 31,61%.

**Câu 80:** Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:
Bước 1: Cho 1,5 ml dung dịch saccarozơ 1% vào ống nghiệm, thêm tiếp khoảng 0,5 ml dung dịch H2SO4, đun nóng ống nghiệm khoảng 5 – 6 phút, sau đó để nguội thì thu được dung dịch X.
Bước 2: Cho từ từ NaHCO3 vào X, khuấy đều cho đến khi không thấy khí thoát ra thì thu được dung dịch Y.
Bước 3: Cho 1 ml dung dịch AgNO3 1% vào ống nghiệm sạch, sau đó nhỏ từng giọt dung dịch NH3 5% cho đến khi kết tủa vừa xuất hiện bị hòa tan hết thì thu được dung dịch Z.
Bước 4: Cho Z vào ống nghiệm chứa Y, đun cách thủy ống nghiệm trong cốc đựng nước nóng.
Phát biểu nào sau đây sai?

A. Sau bước 4, trên thành ống nghiệm xuất hiện lớp kim loại màu trắng bạc.

B. Ở bước 1, có thể thay dung dịch saccarozơ bằng dung dịch hồ tinh bột.

C. Ở bước 2, có thể thay dung dịch NaHCO3 bằng dung dịch NaOH.

D. Sau bước 1, trong dung dịch X chứa một loại monosaccarit duy nhất.